TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/DS-PT
Ngày : 26 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng
Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 và 26 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2025/TLPT – DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2025/QĐPT-DS ngày 14 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Lê Thị Ngọc V, sinh năm 1970 (có mặt)

1.2 Ông Lê Văn D, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967 (có mặt)

2.2 Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Anh Nguyễn Thái V1; địa chỉ: 0 T, T, B, Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2025, có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H và ông Huỳnh Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2024 của nguyên đơn Lê Văn D, Lê Thị Ngọc V và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông D, bà V với vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc H là chỗ bạn bè do hai bên canh tác lúa giáp ranh với nhau, ông T, bà Hậu cần tiền để giải quyết một vụ kiện tại Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh nên có nhờ vợ chồng ông D, bà V vay tiền dùm để lo chi phí thuê Luật sư, do tin tưởng nên ông D, bà V vay tiền của người thân trong gia đình để cho ông T, bà H vay lại nhiều lần tổng số tiền gốc 760.000.000đ, các lần vay điều có làm biên nhận, cụ thể sau:

Lần 1: Ngày 11/01/2023 (nhằm ngày 20/12/2022 âm lịch) ông T, bà H vay 200.000.000đ, có làm biên nhận, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, đóng lãi được 10 tháng bằng 80.000.000đ, có thế chấp Quyền sử dụng đất do bà H đứng tên, đến nay chưa trả vốn.

Lần 2: Ngày 03/7/2023, ông T, bà H có vay số tiền 30.000.000đ, có làm biên nhận nợ ông T, bà H cùng ký tên, không ghi lãi suất. Ngày 01/7/2023, ông T, bà H có vay số tiền 40.000.000đ, có làm biên nhận nợ, thời hạn vay 02 tháng, hai khoản tiền này chưa đóng lãi đến nay cũng chưa trả vốn.

Lần 3: Ngày 08/8/2023, ông T, bà H vay 167.000.000đ, số tiền này ông T, bà H vay nhiều lần gộp lại ghi thành một biên nhận, ông T ký tên, không ghi lãi suất, thời hạn vay 07 ngày, đến nay chưa trả vốn, chưa trả lãi. Biên nhận nợ này ông T, bà H có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H đứng tên, sau đó ông T, bà H nói mượn lại để bán đất cho người khác lấy tiền trả nợ cho vợ chồng ông D và bà V, nhưng sau khi bán đất xong thì ông T, bà H cố tình trốn tránh không trả nợ như đã thoả thuận.

Lần 4: Ngày 20/10/2023, ông T, bà H vay 10.000.000đ có làm biên nhận nợ, không ghi lãi suất và không ghi thời hạn trả nợ, đến nay chưa trả vốn, chưa đóng lãi.

Lần 5: Ngày 29/11/2023 (nhằm ngày 12/9/2023 âm lịch), ông T, bà H vay 300.000.000đ có làm biên nhận nợ cả hai cùng ký tên, không ghi lãi suất, thời hạn vay 10 ngày, đồng thời có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, bà V giữ để đảm bảo các khoản vay trên, hai bên thỏa thuận khi nào trả tiền gốc thì nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến nay chưa trả vốn, chưa trả lãi.

Lần 6: Ngày 13/01/2024, ông T tiếp tục vay số tiền 13.000.000đ có làm biên nhận nợ, không ghi lãi suất, thời hạn vay đến ngày 16/01/2024 nhưng đến nay chưa trả vốn cũng chưa đóng lãi.

Ngoài ra ông T, bà H còn vay 30.000.000đ, ông T có viết biên nhận nợ ngày 13/9/2023 nhưng số tiền này bà H đã trả xong nên không yêu cầu đối với khoản tiền này.

Các lần vay đều do ông T tự viết biên nhận nợ, có biên nhận bà H ký tên và biên nhận bà H không ký tên nhưng bà H có chứng kiến và biết sự việc. Mục đích

vay là để làm chi phí cho vụ kiện khác của vợ chồng ông T, bà H và chi phí sinh hoạt gia đình, tất toán Ngân hàng.

Nay ông D, bà V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D và bà V số tiền vay theo các biên nhận tổng cộng 760.000.000đ tiền gốc và tiền lãi 10%/ năm theo từng biên nhận, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi nào bị đơn trả xong các khoản nợ cho nguyên đơn thì ông D và bà V trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà H.

* Tại bản biên bản hoà giải ngày 14/10/2024, tờ tường trình ngày 15/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà có vay của bà V và ông D số tiền cụ thể sau: ngày 01/7/2023 vay 40.000.000đ, ngày 03/7/2023 vay 30.000.000đ, ngày 20/10/2023 vay 10.000.000đ, tổng cộng số tiền vay 80.000.000đ, nhưng bà đã trả cho ông D 30.000.000đ nên chỉ còn nợ 50.000.000đ. Nay bà, đồng ý trả cho ông D, bà V 50.000.000đ, đồng thời yêu cầu ông D và bà V trả lại cho bà hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên.

Riêng biên nhận nợ số tiền 300.000.000đồng, ghi ngày 29/11/2023 (thực tế ghi biên nhận trước ngày 29/11/2023), bà H và ông T có ký tên vay tiền của ông D và bà V mục đích để đáo hạn ngân hàng, nhưng do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết hạn nên hai bên thỏa thuận sau khi làm thủ tục cấp đổi giấy quyền sử dụng đất xong sẽ giao bằng khoán mới nhận tiền. Tuy nhiên, đến ngày 29/11/2023, bà H điện thoại cho bà V để lấy tiền thì bà V nói chỉ có 250.000.000đ, không đủ 300.000.000đ như thoả thuận nên bà H không đến nhà bà V nhận tiền mà bà H vay chổ khác cho đủ 300.000.000đ để đáo hạn ngân hàng. Ngoài ra các khoản tiền khác ông T tự ý vay bà không hay biết nên bà không đồng ý liên đới cùng ông T trả nợ cho vợ chồng ông D, bà V.

Đối với 02 Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05902 cấp ngày 07/7/2017, thửa 97, tờ bản đồ số 22, diện tích 3.061,3m2, loại đất trồng lúa nước, toạ lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07560 cấp ngày 20/11/2020, thửa 130, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.183,6m2, loại đất trồng lúa nước, toạ lạc tại xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận, là tài sản riêng của bà, ông T tự ý mở tủ lấy cắp giao cho ông D, bà V, bà H không hay biết, bà H yêu cầu ông D, bà V trả lại hai Quyền sử dụng đất cho bà vì đây là tài sản riêng của bà thì bà sẽ trả lại số tiền vay gốc 50.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

* Tại tờ tường trình ngày 17/10/2024, bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông có vay các khoản tiền theo biên nhận nợ như nguyên đơn trình bày cụ thể: có vay 200.000.000đ với lãi suất 6%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 12.000.000đ, đóng được bao nhiêu tháng không nhớ, khi không còn khả năng đóng lãi thì ông hỏi vay tiếp nhiều lần mỗi lần 20.000.000đ đến 30.000.000đ với lãi suất 10%/ 1

tháng. Khoảng tháng 6 đến tháng 7 năm 2023 bà V kêu ông T làm giấy tờ mượn 167.000.000đ, số tiền này thực tế ông T không nhận. Hai tháng sau ông vay tiếp số tiền 40.000.000đ với lãi suất 6%/tháng và 10.000.000đ với lãi suất 1.000.000đ một ngày đóng lãi 50.000đ.

Vì sợ ông D lên nhà đòi tiền ảnh hưởng đến mẹ của ông T đang bệnh tim, con ông đang học lớp 12 nên ông T chấp nhận vay tiền của ông D và bà V mức lãi cao để đóng lãi cho ông D, bà V, đến khi không có khả năng trả lãi thì ông lấy cắp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H đứng tên đem thế chấp cho ông D và bà V.

Do vợ chồng ông cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên ông và bà H có đến nhà ông D, bà V thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền 300.000.000đ có viết biên nhận xong, vợ chồng ông cùng ký tên, sau đó xem lại thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết hạn nên bà V không có giao tiền mà hai bên thỏa thuận khi nào gia hạn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì một bên giao tiền một bên giao giấy. Sau khi gia hạn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì bà H hỏi vay tiền nhưng bà V nói chỉ có 250.000.000đ nên bà H mượn chổ khác để đáo hạn ngân hàng. Do bị xiết nợ nên ông T lấy thêm Quyền sử dụng đất của bà H đứng tên thế chấp cho ông D, bà V, để vay số tiền 300.000.000đ nhưng thực tế ông T chỉ nhận được 150.000.000đ còn lại bà V đã cấn trừ vào tiền lãi. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông đề nghị xem xét theo quy định pháp luật, đề nghị xử lý hình sự ông D và bà V về tội cho vay nặng lãi.

Tại bản án sơ thẩm số 126/2024/DS- ST ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã xử: Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ngọc V và ông Lê Văn D số tiền nợ gốc 760.000.000 đồng và tiền lãi 80.606.668 đồng tính đến ngày 13/11/2024 và tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi bà H, ông T trả hết nợ cho bà V, ông D; Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05902 cấp ngày 07/7/2017, đối với thửa 97, tờ bản đồ số 22, diện tích 3.061,3m2, loại đất trồng lúa nước, toạ lạc tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07560 cấp ngày 20/11/2020, đối với thửa 130, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.183,6m2, loại đất trồng lúa nước, đất toạ lạc tại xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Hai thửa đất trên do bà Nguyễn Thị Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi bà H và ông T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho ông D, bà V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 19/11/2024 ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vốn gốc và tiền lãi theo bản án sơ thẩm; bị đơn yêu cầu được cấn trừ số tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn vượt quá quy định pháp luật; yêu cầu nguyên đơn giao trả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H; ông T1 đồng ý trả số tiền ông T1 nợ riêng là 350.000.000đồng; bà H đồng ý trả số tiền bà nợ riêng là 50.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T1 giao nộp: 01 USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông T1 với ông Lê Quốc C để chứng minh trong số tiền vay 300.000.000 đồng ghi trong biên nhận ngày 12/9/2023 (al) thì bà V chỉ giao cho ông 150.000.000 đồng còn lại 150.000.000 đồng là tiền lãi; 01 đĩa CD kèm vi bằng để chứng minh ông D và bà V cho ông vay lãi nặng với mức lãi suất 150%/tháng, 01 bản photo sao kê tài khoản của bà V để chứng minh vào ngày 27/11/2023 ông T1 có trả cho bà V số tiền 7.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của ông T1 và bà H cho rằng bản án gốc mang số 126/2024/DS-ST nhưng bản án cấp sơ thẩm giao cho ông T1 và bà H mang số 153/2024/DS-ST, cấp sơ thẩm ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm không đúng quy định và không giao quyết định sửa chữa bổ sung bản án cho ông T1 và bà H; ông D và bà V có dấu hiệu cho vay nặng lãi nên đề nghị chuyển cơ quan điều tra khởi tố hình sự; từ những căn cứ này yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng: cá nhân ông T1 chỉ trả cho ông D và bà V 350.000.000 đồng, cá nhân bà H chỉ trả cho ông D và bà V 50.000.000 đồng, buộc ông D và bà V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất 97 và 130 cho bà H

Ông D và bà V không chấp nhận kháng cáo của ông ông T1 và bà H. Đối với biên nhận vay 200.000.000 đồng ông T1 và bà H đã đóng tiền lãi 10 tháng là 80.000.000 đồng nếu vượt quá quy định thì đồng ý tính lại theo quy định và cấn trừ phần vượt vào vốn gốc, còn lại các khoản tiền vay đều tính lãi theo quy định pháp luật, sau khi ông T1 và bà H trả đủ tiền thì ông D và bà V trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số: 126/2024/DS-ST ngày 15/11/2024 và Bản án sơ thẩm số 153/2024/DS-ST ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Tam Bình để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tuyên án sơ thẩm đến ngày 19 tháng 11 năm 2024 ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung

[2.1] Tại phiên tòa, ông T xuất trình 01 USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông T với ông Lê Quốc C để chứng minh trong số tiền vay 300.000.000 đồng ghi trong biên nhận ngày 12/9/2023 (al) thì ông C1 biết bà V chỉ giao cho ông T 150.000.000 đồng còn lại 150.000.000 đồng là tiền lãi; 01 đĩa CD kèm vi bằng về cuộc nói chuyện giữa ông T, ông D và ông C1 để chứng minh ông D và bà V cho ông T vay lãi nặng với mức lãi suất 150%/tháng.

Đây là tình tiết mới, phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy, cần phải xác minh, ghi lời khai của ông Lê Quốc C1 để làm rõ nội dung những đoạn ghi âm của ông T giao nộp (USB, đĩa CD) có liên quan đến giao dịch vay tài sản giữa các đương sự trong vụ án hay không?

[2.2] Thể hiện trong hồ sơ vụ án, Bản án gốc mang số 126/2024/DS-ST (có 02 Hội thẩm nhân dân ký tên) được tuyên vào ngày 15/11/2024. Đến ngày 25/11/2024 Tòa án cấp sơ thẩm giao cho nguyên đơn và bị đơn Bản án chính mang số 153/2024/DS-ST ngày 15/11/2024. Sau đó Tòa án cấp sơ thẩm phát hiện bản án phát hành cho đương sự là bản án số 153/2024/DS-ST có sai sót về số liệu so với bản án gốc số 126/2024/DS-ST nên ngày 03/12/2024 ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Tuy nhiên, thay vì sửa chữa, bổ sung bản án có sai sót là bản án số 153/2024/DS-ST đã phát hành cho đương sự thì cấp sơ thẩm lại sửa chữa, bổ sung bản án đúng là bản án số 126/2024/DS-ST. Từ việc sửa chữa, bổ sung bản án không đúng quy định dẫn đến trong hồ sơ tồn tại 02 bản án khác nhau.

[2.3] Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và cần phải xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ. Sai sót này không bổ sung được tại cấp phúc thẩm. Do đó, cần hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại ra bản án đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn trả ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số: 126/2024/DS-ST ngày 15/11/2024 và Bản án sơ thẩm số 153/2024/DS-ST ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Tam Bình để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được xét xử lại sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0014677 ngày 27/11/2024 cuả Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0014678 ngày 27/11/2024 cuả Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VPTAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi